

Số: 154/2020/QĐST - HNGĐ

*Bảo Thắng, ngày 04 tháng 11 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Như Q - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 59, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H đều nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Như Q được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Anh T - sinh ngày 07/3/2014 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Thiên H - sinh ngày 15/11/2017 và cháu Nguyễn Thiên V - sinh ngày 15/11/2017 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H có quyền sở hữu và sử dụng tài sản chung là 01 căn nhà cấp IV diện tích xây dựng 200m<sup>2</sup> trị giá là 700.000.000 đồng; nhà cấp IV xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 269 tờ bản đồ P11-193, số BY 987745 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp ngày 23/12/2016 mang tên Nguyễn Văn H (quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh Nguyễn Văn H). Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch về tài sản chung cho chị Nguyễn Như Q là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Về nghĩa vụ tài sản: Chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay chung cho bà Nguyễn Thị L là 170.000.000 đồng; nghĩa vụ theo phần cụ thể như sau: chị Nguyễn Như Q có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*) và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L là 85.000.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án là chị Nguyễn Như Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn H không thi hành xong khoản tiền chênh lệch về tài sản phải hoàn trả, thì hàng tháng anh Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án là bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H không thi hành xong khoản tiền nghĩa vụ về tài sản phải hoàn trả, thì hàng tháng chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H thỏa thuận để chị Nguyễn Như Q chịu toàn bộ 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Chị Nguyễn Như Q và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 8.750.000 đồng tiền án phí chia tài sản và 2.125.000 đồng tiền án phí chia nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng.

Tổng cộng chị Nguyễn Như Q phải chịu 11.025.000 đồng (*mười một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 16.300.000 đồng theo biên lai số 0002591 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Như Q được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 5.275.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Văn H phải chịu tổng cộng là 10.875.000 đồng (*mười triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002603 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đường sự (3);
- UBND TT P;
- Chi cục THADS huyện Bảo Thắng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hoàng Liên**